

Đồng Nai, ngày 19 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH TÍNH TOÁN ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT THỰC HIỆN CÔNG TÁC BUỔI CHIẾU PHIM LƯU ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Định mức kinh tế - kỹ thuật thể hiện mức hao phí về vật liệu, lao động, phương tiện, máy – thiết bị chiếu để hoàn thành một buổi chiếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc kể cả quá trình di chuyển tuyên truyền, thông báo trước buổi chiếu (khâu chuẩn bị được tính từ lúc bắt đầu di chuyển đến địa điểm chiếu, khâu kết thúc được tính đến lúc xe di chuyển về địa điểm ban đầu sau khi kết thúc buổi chiếu).

I. Cơ sở để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định hoạt động của đội chiếu phim lưu động thuộc trung tâm điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương;

Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ vào quy trình tổ chức công việc thực hiện buổi chiếu phim của đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ một số hồ sơ, tài liệu khác liên quan phục vụ công tác xác định định mức phần điện ảnh của Trung tâm văn hóa – điện ảnh Đồng Nai.

II. Định mức hao phí thực hiện công tác chiếu phim lưu động:

1. Thành phần công việc:

- Chuẩn bị máy – thiết bị chiếu; vật tư; dụng cụ ... di chuyển lên xe;
- Di chuyển đến địa điểm chiếu, vận chuyển máy – thiết bị; vật tư; dụng cụ xuống xe;
- Chuẩn bị hội trường chiếu (trang trí, lắp đặt máy – thiết bị, bố trí – sắp xếp, chạy thử...);
- Tuyên truyền, thông báo về buổi chiếu bằng xe tải thông qua loa phóng thanh;

- Trình chiếu giao lưu ca nhạc, chiếu hoạt hình, chiếu tuyên truyền lồng ghép;
- Chiếu phim;
- Kết thúc buổi chiếu, thu dọn, di chuyển lên xe;
- Di chuyển về địa điểm nghỉ;
- Số lượng buổi chiếu 22 buổi/ đội/ tháng.

2. Tính toán hao phí:

Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Tính toán hao phí vật liệu, nhân công, máy – thiết bị.

2.1. Hao phí vật liệu:

Vật liệu sử dụng phục vụ công tác chiếu phim lưu động được phân chia làm hai loại, gồm: vật liệu không luân chuyển và vật liệu luân chuyển.

a. Vật liệu không luân chuyển: không sử dụng.

b. Vật liệu luân chuyển:

Công thức xác định hao phí vật liệu luân chuyển:

$$VL = Q_{LC}^V \times (1 + H_{vc}) \times K_{LC}$$

Trong đó:

+ Q_{LC}^V : Lượng hao phí vật liệu luân chuyển sử dụng.

+ H_{vc} : Tỷ lệ hao hụt vật liệu trong sử dụng (không có, $H_{vc} = 0$)

+ K_{LC} : Hệ số bù vật liệu khi luân chuyển (các vật liệu có bù hao hụt khi sử dụng từ lần thứ 2 trở đi: không tính)

Bảng tính hao phí vật liệu luân chuyển không bù hao hụt khi sử dụng từ lần thứ 2 trở đi.

Đơn vị tính: hao phí/1 buổi chiếu

Stt	Tên vật liệu	Đvt	Q_{LC}^V	Thời gian phân bổ (tháng)	Số lần sử dụng (lần/tháng)	Số lần sử dụng (lần/Tg phân bổ)	VL_2
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.1	Dây dù	m	200	12	22	264	0,7576
1.2	Bạt che	M2	100	12	22	264	0,3788
1.3	Dây điện	m	200	12	22	264	0,7576
1.4	Dây loa	m	120	12	22	264	0,4545

Stt	Tên vật liệu	Đvt	Q^V_{LC}	Thời gian phân bổ (tháng)	Số lần sử dụng (lần/tháng)	Số lần sử dụng (lần/Tg phân bổ)	VL ₂
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.5	Ghế nhựa	cái	100	24	22	528	0,1894
1.6	Ổ cắm	cái	2	12	22	264	0,0076
1.7	Đèn pin	cái	2	12	22	264	0,0076
1.8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	12	12	22	264	0,0455
1.9	Búa	cái	1	24	22	528	0,0019
1.10	Võng dù	cái	3	12	22	264	0,0114
1.11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	5	12	22	264	0,0189
1.12	Bóng đèn	cái	8	6	22	132	0,0606
1.13	Đèn để bàn	cái	2	12	22	264	0,0076
1.14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	4	36	22	792	0,0051
1.15	Quạt đứng	cái	2	24	22	528	0,0038
1.16	USB 32G lưu phim	cái	2	12	22	264	0,0076
1.17	Chân giá đỡ loa	cái	2	24	22	528	0,0038
1.18	Loa phóng thanh lưu động	cái	2	36	22	792	0,0025
1.19	Dây HDMI	bộ	2	12	22	264	0,0076
1.20	Màn ảnh	cái	1	60	22	1.320	0,0008
1.21	Loa thùng	bộ	1	60	22	1.320	0,0008
1.22	Đầu Karaoke	bộ	1	24	22	528	0,0019
1.23	Amly	bộ	1	60	22	1.320	0,0008
1.24	Ổ cứng	cái	1	60	22	1.320	0,0008
1.25	Micro	cái	2	24	22	528	0,0038
1.26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	1	60	22	1.320	0,0008

Stt	Tên vật liệu	Đvt	Q^V_{LC}	Thời gian phân bổ (tháng)	Số lần sử dụng (lần/tháng)	Số lần sử dụng (lần/Tg phân bổ)	VL ₂
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.27	Khung màn ảnh	bộ	1	36	22	792	0,0013
1.28	Cờ phướn, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	5	2	22	44	0,1136
1.29	Pano, băng rôn	m2	50	2	22	44	1,1364
1.30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	1	36	22	792	0,0013

Ghi chú:

- Thời gian phân bổ vật tư dựa theo kế hoạch phân bổ của đơn vị trong quá trình sử dụng.

- Số buổi chiếu phim của 1 đội/1 tháng là 22 buổi chiếu theo thực tế của đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai hiện đang thực hiện.

2.2. Hao phí nhân công:

2.2.1 Hao phí:

- Số lượng nhân bố trí cho 1 tổ chiếu phim lưu động: 3 người (1 đội trưởng; 1 tài xế; 1 kỹ thuật chiếu).

- Thời gian phục vụ 1 buổi chiếu phim của đội chiếu phim được tính từ lúc chuẩn bị, xuất phát đến địa điểm chiếu cho đến lúc kết thúc chiếu và thu dọn lên xe. Các công việc được phân bổ:

+ Chuẩn bị trang thiết bị kỹ thuật, vật tư, di chuyển lên xe. Xuất phát đến địa điểm chiếu phim lưu động cự ly bình quân 40km.

+ Di chuyển thiết bị, máy xuống điểm chiếu – chuẩn bị hội trường, lắp ráp;

+ Tuyên truyền qua loa phóng thanh về buổi chiếu phim bằng xe chuyên dùng, bán kính 5km÷10km so với điểm chiếu phim;

+ Chiếu giao lưu ca nhạc;

+ Chiếu hoạt hình;

+ Chiếu tuyên truyền lồng ghép;

+ Chiếu phim (thời lượng bình quân 90 phút).

+ Thu dọn máy, thiết bị chiếu, vệ sinh hội trường sau khi kết thúc buổi chiếu, di chuyển về địa điểm nghỉ.

- Công thức tính hao phí nhân công: $NC = \sum(t_{dm}^g) \times K_{tgn}$, trong đó:

+ t_{dm}^g : là mức hao phí nhân công trực tiếp thực hiện công việc từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc cho một đơn vị khối lượng.

+ $K_{tgn} = 1/8$: hệ số chuyển đổi từ định mức giờ công sang định mức ngày công.

Bảng phân bổ thời gian làm việc của đội chiếu phim lưu động – hao phí nhân công:

Đơn vị tính: công/ 1 buổi chiếu

Stt	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Thời gian Thực hiện	Số giờ		Hao phí (NC)
				Thực hiện	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)*(5)	(7) = (6)/8
1	Chuẩn bị - di chuyển đến điểm chiếu		14h30 – 15h30	1		
<i>a</i>	<i>Đội trưởng</i>	<i>1</i>		<i>1</i>	<i>1</i>	<i>0,125</i>
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật</i>	<i>1</i>		<i>1</i>	<i>1</i>	<i>0,125</i>
2	Di chuyển thiết bị, máy xuống điểm chiếu – chuẩn bị hội trường, lắp ráp		15h30 – 17h	1,5		
<i>a</i>	<i>Đội trưởng</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
<i>c</i>	<i>Lái xe</i>	<i>1</i>	<i>15h30 – 16h</i>	<i>0,5</i>	<i>0,5</i>	<i>0,0625</i>
3	Tuyên truyền qua loa phóng thanh		16h – 17h	1,0		
4	Chiếu, giao lưu ca nhạc		17h – 18h30			
<i>a</i>	<i>Đội trưởng</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
<i>c</i>	<i>Lái xe</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
5	Chiếu hoạt hình		18h30 – 19h30			
<i>a</i>	<i>Đội trưởng</i>	<i>1</i>		<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>0,125</i>

Stt	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Thời gian Thực hiện	Số giờ		Hao phí (NC)
				Thực hiện	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)*(5)	(7) = (6)/8
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật</i>	<i>1</i>		<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>0,125</i>
<i>c</i>	<i>Lái xe</i>	<i>1</i>		<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>0,125</i>
6	Tuyên truyền lồng ghép		19h30 – 20h			
<i>a</i>	<i>Đội trưởng</i>	<i>1</i>		<i>0,5</i>	<i>0,5</i>	<i>0,0625</i>
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật</i>	<i>1</i>		<i>0,5</i>	<i>0,5</i>	<i>0,0625</i>
<i>c</i>	<i>Lái xe</i>	<i>1</i>		<i>0,5</i>	<i>0,5</i>	<i>0,0625</i>
7	Chiếu phim		20h – 21h30	1,5		
<i>a</i>	<i>Đội trưởng</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
<i>c</i>	<i>Lái xe</i>	<i>1</i>		<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>0,1875</i>
8	Thu dọn, vận chuyển đồ lên xe		21h30 – 22h30	1,0		
<i>a</i>	<i>Đội trưởng</i>	<i>1</i>		<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>0,125</i>
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật</i>	<i>1</i>		<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>0,125</i>
<i>c</i>	<i>Lái xe</i>	<i>1</i>		<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>0,125</i>
	Cộng					
<i>a</i>	<i>Đội trưởng bậc bình quân 4,481</i>					<i>1,0</i>
<i>b</i>	<i>Kỹ thuật bậc bình quân 3,04</i>					<i>1,0</i>
<i>c</i>	<i>Lái xe bậc bình quân 2,91</i>					<i>1,0</i>

Ghi chú:

- Thời gian xe di chuyển không tính tài xế lái xe (đã tính trong tài xế trong ca máy);
- Thời gian tài xế tham gia các công việc cùng đội được tính vào hao phí nhân công kỹ thuật;
- Cự ly di chuyển bình quân đến địa điểm chiếu tính trong định mức là 40km;

- Cụ ly tuyên truyền qua loa phóng thanh bằng xe bán tải có bán kính so với điểm chiếu phim từ 5km – 10km;

2.2.2 Cấp bậc nhân công:

- Đội trưởng: Tính theo cấp bậc bình quân của các đội trưởng đang làm việc tại các đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai.

Bảng tính hệ số lương bình quân đội trưởng:

Stt	Đội chiếu, đội trưởng	Hệ số lương
1	Đội số 1	
	Trần Công Tư	4,98+0,35
2	Đội số 2	
	Đỗ Thành Nam	3,31
3	Đội số 3	
	Nguyễn Lợi	4,32
4	Đội số 4	
	Dương Cự Thanh	4,98
5	Đội số 5	
	Võ Văn Hùng	3,63+0,835
	Bậc bình quân đội trưởng	4,481

- Kỹ thuật: Tính theo cấp bậc bình quân của các công nhân viên kỹ thuật đang làm việc tại các đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai.

Bảng tính hệ số lương bình quân kỹ thuật:

Stt	Đội chiếu, kỹ thuật	Hệ số lương
1	Đỗ Minh Tâm	3,06
2	Trần Thanh Tuấn	2,67
3	Nguyễn Viết Chánh	4,06+0,244
4	Đào Hữu Phước	2,37
5	Trần Tiến Đạt	2,10
6	Nguyễn Văn Hoàng	3,63+0,399
7	Nguyễn Mạnh Du	3,63+0,472
8	Phạm Hoàng Thạch	3,31
9	Hoàng Văn Linh	2,34
10	Nguyễn Quang Hải	3,06
11	Phạm Văn Duy	2,10

Stt	Đội chiếu, kỹ thuật	Hệ số lương
	Bậc bình quân kỹ thuật	3,04

Bảng tính hệ số lương bình quân lái xe:

Stt	Đội chiếu, lái xe	Hệ số lương
1	Nguyễn Hùng Sơn	3,31
2	Nguyễn Duy Thanh	3,13
3	Nguyễn Văn Hoà	3,13
4	Hồ Văn Hoài Bảo	2,59
5	Nguyễn Lê Huy	2,41
	Bậc bình quân lái xe	2,91

2.3. Hao phí xe vận chuyển – thiết bị kỹ thuật chiếu:

2.3.1 Danh mục xe vận chuyển – thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác chiếu phim:

Danh mục xe vận chuyển – thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác chiếu phim của 01 đội chiếu phim lưu động được tính theo tình hình thực tế hiện đang thực hiện tại các đội chiếu phim tuyên truyền lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh hiện đang thực hiện bố trí theo hồ sơ danh mục bao gồm:

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Phương tiện di chuyển			
1	Xe chuyên dùng	xe	1	Xe bán tải
II	Thiết bị chiếu			
1	Máy vi tính xách tay	cái	1	
2	Máy chiếu full HD	cái	1	
3	Máy lưu, giải mã tín hiệu	cái	1	
4	Máy phát điện dự phòng	cái	1	

2.3.2 Hao phí:

Công thức xác định hao phí ca máy (ca/ 1 buổi chiếu):

$M = N * Tg * K_{tgm}$, trong đó:

- N: Số lượng máy sử dụng
- Tg: Thời gian máy làm việc phục vụ buổi chiếu (giờ)
- $K_{tgm} = 1/8$: hệ số chuyển đổi từ định mức giờ máy sang định mức ca máy.

Xe chuyên dùng:

- Số lượng: $N = 1$

- Thời gian làm việc phục vụ buổi chiếu: là thời gian xe di chuyển, gồm:

+ Di chuyển đến địa điểm chiếu: 14h30 ÷ 15h30: 1,0 giờ

+ Tuyên truyền trước buổi chiếu: 16h00 ÷ 17h: 1,0 giờ

$T_g = 1,0 + 1,0 = 2,0$ giờ

$M_1 = 1 * 2 * (1/8) = 0,25$ ca/ 1 buổi chiếu

Máy vi tính xách tay; máy chiếu phim full HD:

- Số lượng: $N = 1$

- Thời gian làm việc phục vụ buổi chiếu (tính thời gian chiếu 90 phút), gồm:

+ Chiếu ca nhạc, chiếu hoạt hình, chiếu tuyên truyền lồng ghép, chiếu phim:

17h0 – 21h30: $T_g = 4,5$ giờ

$M_{2,3} = 1 * 4,5 * (1/8) = 0,5625$ ca/ 1 buổi chiếu

Máy lưu, giải mã tín hiệu:

- Số lượng: $N = 1$

- Thời gian làm việc phục vụ buổi chiếu (tính thời gian chiếu 90 phút), gồm:

+ Chiếu thử: 1,5 giờ

+ Chiếu chính thức: 1,5 giờ

$T_g = 1,5 + 1,5 = 3$ giờ

$M_4 = 1 * 3 * (1/8) = 0,375$ ca/ 1 buổi chiếu

Máy phát điện dự phòng:

- Số lượng: $N = 1$

- Chiếu ca nhạc, chiếu hoạt hình, chiếu tuyên truyền lồng ghép, chiếu phim:

17h – 21h30: $T_g = 4,5$ giờ

- Tỷ lệ số lượng buổi chiếu sử dụng máy phát điện dự phòng khi không có điện vì một số nguyên nhân (mất điện; không có điện; gặp sự cố ...) được tính bình quân 20% (bình quân trong 5 buổi chiếu thì có 1 buổi chiếu sử dụng máy phát điện dự phòng).

$M_5 = [1 * 4,5 * (1/8)] * 20\% = 0,1125$ ca/ 1 buổi chiếu.

III. Tổng hợp số liệu tính toán:

Hao phí định mức công tác thực hiện “chiếu phim lưu động” được tổng hợp từ số liệu tính toán ở mục “II. Tính toán hao phí” theo bảng dưới đây:

Đơn vị tính: 1 buổi chiếu

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
1	<i>Vật liệu</i>		
1.1	Dây dù	m	0,7576
1.2	Bạt che	M2	0,3788

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
1.3	Dây điện	m	0,7576
1.4	Dây loa	m	0,4545
1.5	Ghế nhựa	cái	0,1894
1.6	Ổ cắm	cái	0,0076
1.7	Đèn pin	cái	0,0076
1.8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	0,0455
1.9	Búa	cái	0,0019
1.10	Võng dù	cái	0,0114
1.11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	0,0189
1.12	Bóng đèn	cái	0,0606
1.13	Đèn để bàn	cái	0,0076
1.14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	0,0051
1.15	Quạt đứng	cái	0,0038
1.16	USB 32G lưu phim	cái	0,0076
1.17	Chân giá đỡ loa	cái	0,0038
1.18	Loa phóng thanh lưu động	cái	0,0025
1.19	Dây HDMI	bộ	0,0076
1.20	Màn ảnh	cái	0,0008
1.21	Loa thùng	bộ	0,0008
1.22	Đầu Karaoke	bộ	0,0019
1.23	Amly	bộ	0,0008
1.24	Ổ cứng	cái	0,0008
1.25	Micro	cái	0,0038
1.26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	0,0008
1.27	Khung màn ảnh	bộ	0,0013
1.28	Cờ phướn, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	0,1136
1.29	Pano, băng rôn	m2	1,1364
1.30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	0,0013
2	Nhân công		
2.1	Đội trưởng bậc bình quân 4,481	công	1,0
2.2	Kỹ thuật bậc bình quân 3,04	công	1,0

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
2.3	Lái xe bậc bình quân 2,91	công	1,0
3	Máy - thiết bị		
3.1	Xe bán tải 5 tấn	ca	0,25
3.2	Máy vi tính xách tay	ca	0,5625
3.3	Máy chiếu full HD	ca	0,5625
3.4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	ca	0,375
3.5	Máy phát điện dự phòng	ca	0,1125

Trên đây là thuyết minh tính toán định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác buổi chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. /.

GIÁM ĐỐC



Lê Kim Bằng



Số: /TTr-SVHTTDL
(Dự thảo)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim
lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngày 17/5/2016 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1450/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong đó UBND tỉnh giao cho Sở, ngành xây dựng và tham mưu trình UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các ngành, lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quản lý. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng và tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 về việc ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch tỉnh Đồng Nai trong đó có hoạt động chiếu phim lưu động tại các địa phương phục vụ nhiệm vụ chính trị, các sự kiện, các ngày kỷ niệm, các ngày lễ lớn trong năm; phục vụ thiếu nhi, đồng bào dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, công nhân tại các khu công nghiệp, vì vậy việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng dựa trên cơ sở Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc quy định hoạt động của đội chiếu phim lưu động thuộc trung tâm điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu

hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện buổi chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thể hiện mức hao phí về vật liệu, lao động, phương tiện, máy - thiết bị chiếu để hoàn thành một buổi chiếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc kể cả quá trình di chuyển tuyên truyền, thông báo trước buổi chiếu (khâu chuẩn bị được tính từ lúc bắt đầu di chuyển đến địa điểm chiếu, khâu kết thúc được tính đến lúc xe di chuyển về địa điểm ban đầu sau khi kết thúc buổi chiếu).

Định mức này là cơ sở để xác định chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu - nhân công - máy, thiết bị) trong dự toán chi phí, nhằm dự trù chi phí thực hiện công tác chiếu phim lưu động cho các đội chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm cơ sở quản lý chi phí chiếu phim lưu động theo quy định và cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc dự toán, quản lý kinh phí phục vụ công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hiện nay, do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp bộ; do đó để có cơ sở cơ quan có thẩm quyền căn cứ tham mưu UBND tỉnh xác định thực hiện giá buổi chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Nhà nước đặt hàng được sử dụng kinh phí ngân sách thực hiện đầy đủ và thống nhất theo quy định trên địa bàn tỉnh việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện buổi chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết. Định mức kinh tế - kỹ thuật này là cơ sở để Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng hoạt động trong lĩnh vực thực hiện chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai xây dựng, lập dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí thực hiện hàng năm.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích: Nhằm thực hiện đúng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Quan điểm: Việc xây dựng Quyết định UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng

ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương; Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong đó giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Quyết định Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện xây dựng dự thảo Quyết định UBND tỉnh Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng dựa trên cơ sở các căn cứ sau: căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc quy định hoạt động của đội chiếu phim lưu động thuộc trung tâm điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng tiến hành lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan chịu tác động trực tiếp của Quyết định. Gửi hồ sơ Sở Tư pháp, Sở Tài chính thẩm định theo quy định. Đăng công thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian 30 ngày để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và cá nhân góp ý.

Đến nay, Dự thảo Quyết định đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục: Dự thảo Quyết định bố cục gồm 3 Điều và hành kèm theo Quyết định là Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo gồm 7 Điều.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Nội dung dự thảo Quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...tháng....năm.....

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2.2. Nội dung của Định mức kinh tế - kỹ thuật

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Định mức này là cơ sở để xác định chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu – nhân công – máy, thiết bị) trong dự toán chi phí, nhằm dự trù chi phí thực hiện công tác chiếu phim lưu động cho các đội chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai làm cơ sở quản lý chi phí chiếu phim lưu động theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc dự toán, quản lý kinh phí phục vụ công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Điều 2. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật

Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc quy định hoạt động của đội chiếu phim lưu động thuộc trung tâm điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ trong xây dựng định mức

Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng 01 buổi chiếu phim lưu động bao gồm:

1. Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu (vật liệu không luân chuyển và vật liệu luân chuyển) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một buổi chiếu phim lưu động.

2. Mức hao phí lao động: Là số ngày công lao động của đội chiếu phim tham gia thực hiện buổi chiếu phim lưu động từ lúc chuẩn bị, xuất phát cho đến lúc kết thúc, thu dọn về lại đơn vị.

3. Mức hao phí máy – thiết bị: Là số ca sử dụng máy và thiết bị của đội chiếu để hoàn thành một buổi chiếu phim lưu động từ lúc chuẩn bị, xuất phát cho đến lúc kết thúc, thu dọn về lại đơn vị.

Điều 4. Thành phần công việc

Bước 1: Chuẩn bị máy – thiết bị chiếu; vật tư; dụng cụ ... di chuyển lên xe;

Bước 2: Di chuyển đến địa điểm chiếu, vận chuyển máy – thiết bị; vật tư; dụng cụ xuống xe;

Bước 3: Chuẩn bị hội trường chiếu (trang trí, lắp đặt máy – thiết bị, bố trí – sắp xếp, chạy thử...);

Bước 4: Tuyên truyền, thông báo về buổi chiếu bằng xe tải thông qua loa phóng thanh;

Bước 5: Trình chiếu giao lưu ca nhạc, chiếu hoạt hình, chiếu tuyên truyền lồng ghép;

Bước 6: Chiếu phim;

Bước 7: Kết thúc buổi chiếu, thu dọn, di chuyển lên xe;

Bước 8: Di chuyển về địa điểm nghỉ.

Điều 5. Số lượng buổi chiếu phim: 22 buổi/ đội/ tháng.

Điều 6. Định mức kinh tế kỹ thuật công tác thực hiện chiếu phim lưu động:

Đơn vị tính: 1 buổi chiếu

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
1	Vật liệu		
1.1	Dây dù	m	0,7576
1.2	Bạt che	m ²	0,3788
1.3	Dây điện	m	0,7576
1.4	Dây loa	m	0,4545
1.5	Ghế nhựa	cái	0,1894
1.6	Ổ cắm	cái	0,0076
1.7	Đèn pin	cái	0,0076
1.8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	0,0455
1.9	Búa	cái	0,0019
1.10	Võng dù	cái	0,0114
1.11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	0,0189
1.12	Bóng đèn	cái	0,0606
1.13	Đèn để bàn	cái	0,0076

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
1.14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	0,0051
1.15	Quạt đứng	cái	0,0038
1.16	USB 32G lưu phim	cái	0,0076
1.17	Chân giá đỡ loa	cái	0,0038
1.18	Loa phóng thanh lưu động	cái	0,0025
1.19	Dây HDMI	bộ	0,0076
1.20	Màn ảnh	cái	0,0008
1.21	Loa thùng	bộ	0,0008
1.22	Đầu Karaoke	bộ	0,0019
1.23	Amly	bộ	0,0008
1.24	Ổ cứng	cái	0,0008
1.25	Micro	cái	0,0038
1.26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	0,0008
1.27	Khung màn ảnh	bộ	0,0013
1.28	Cờ phương, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	0,1136
1.29	Pano, băng rôn	m ²	1,1364
1.30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	0,0013
2	Nhân công		
2.1	Đội trưởng bậc bình quân 4,481	công	1,0
2.2	Kỹ thuật bậc bình quân 3,04	công	1,0
2.3	Lái xe bậc bình quân 2,91	công	1,0
3	Máy - thiết bị		
3.1	Xe bán tải 5 tấn	ca	0,25
3.2	Máy vi tính xách tay	ca	0,5625
3.3	Máy chiếu full HD	ca	0,5625
3.4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	ca	0,375
3.5	Máy phát điện dự phòng	ca	0,1125

Điều 7: Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch kính trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định; báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức cá nhân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bam giám đốc Sở;
- Lưu: VT-KHTC (An).

GIÁM ĐỐC

Lê Kim Bằng

Số:...../2020/QĐ-UBND
(Dự thảo)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác chiếu phim
lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23/10/2015 của Bộ Văn
hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định hoạt động của Đội chiếu phim lưu
động thuộc Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng hoặc Trung tâm Điện ảnh
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy
định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công
sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình
số/TTr-SVHTTDL ngày/.../2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật
thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày...tháng....năm.....

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các phòng KGVX, KTNS.

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT

Thực hiện công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

*(Ban hành theo Quyết định số...../2020/QĐ-UBND ngày...tháng... năm..... của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Định mức này là cơ sở để xác định chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu – nhân công – máy, thiết bị) trong dự toán chi phí, nhằm dự trù chi phí thực hiện công tác chiếu phim lưu động cho các đội chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai làm cơ sở quản lý chi phí chiếu phim lưu động theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đội chiếu phim lưu động của Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh Đồng Nai trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc dự toán, quản lý kinh phí phục vụ công tác chiếu phim lưu động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật

Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc quy định hoạt động của đội chiếu phim lưu động thuộc trung tâm điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thông tư 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ trong xây dựng định mức

Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng 01 buổi chiếu phim lưu động bao gồm:

1. Mức hao phí vật liệu: Là số lượng vật liệu (vật liệu không luân chuyển và vật liệu luân chuyển) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một buổi chiếu phim lưu động.

2. Mức hao phí lao động: Là số ngày công lao động của đội chiếu phim tham gia thực hiện buổi chiếu phim lưu động từ lúc chuẩn bị, xuất phát cho đến lúc kết thúc, thu dọn về lại đơn vị.

3. Mức hao phí máy – thiết bị: Là số ca sử dụng máy và thiết bị của đội chiếu để hoàn thành một buổi chiếu phim lưu động từ lúc chuẩn bị, xuất phát cho đến lúc kết thúc, thu dọn về lại đơn vị.

Điều 4. Thành phần công việc

Bước 1: Chuẩn bị máy – thiết bị chiếu; vật tư; dụng cụ ... di chuyển lên xe;

Bước 2: Di chuyển đến địa điểm chiếu, vận chuyển máy – thiết bị; vật tư; dụng cụ xuống xe;

Bước 3: Chuẩn bị hội trường chiếu (trang trí, lắp đặt máy – thiết bị, bố trí – sắp xếp, chạy thử...);

Bước 4: Tuyên truyền, thông báo về buổi chiếu bằng xe tải thông qua loa phóng thanh;

Bước 5: Trình chiếu giao lưu ca nhạc, chiếu hoạt hình, chiếu tuyên truyền lồng ghép;

Bước 6: Chiếu phim;

Bước 7: Kết thúc buổi chiếu, thu dọn, di chuyển lên xe;

Bước 8: Di chuyển về địa điểm nghỉ.

Điều 5. Số lượng buổi chiếu phim: 22 buổi/ đội/ tháng.

Điều 6. Định mức kinh tế kỹ thuật công tác thực hiện chiếu phim lưu động:

Đơn vị tính: 1 buổi chiếu

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
1	Vật liệu		
1.1	Dây dù	m	0,7576
1.2	Bạt che	m ²	0,3788
1.3	Dây điện	m	0,7576

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
1.4	Dây loa	m	0,4545
1.5	Ghế nhựa	cái	0,1894
1.6	Ổ cắm	cái	0,0076
1.7	Đèn pin	cái	0,0076
1.8	Cọc màn ảnh bằng sắt	cái	0,0455
1.9	Búa	cái	0,0019
1.10	Võng dù	cái	0,0114
1.11	Giỏ xách đựng công cụ - dụng cụ	cái	0,0189
1.12	Bóng đèn	cái	0,0606
1.13	Đèn để bàn	cái	0,0076
1.14	Bàn để máy chiếu – thiết bị	cái	0,0051
1.15	Quạt đứng	cái	0,0038
1.16	USB 32G lưu phim	cái	0,0076
1.17	Chân giá đỡ loa	cái	0,0038
1.18	Loa phóng thanh lưu động	cái	0,0025
1.19	Dây HDMI	bộ	0,0076
1.20	Màn ảnh	cái	0,0008
1.21	Loa thùng	bộ	0,0008
1.22	Đầu Karaoke	bộ	0,0019
1.23	Amly	bộ	0,0008
1.24	Ổ cứng	cái	0,0008
1.25	Micro	cái	0,0038
1.26	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	0,0008
1.27	Khung màn ảnh	bộ	0,0013
1.28	Cờ phướn, cờ tổ quốc, cờ đảng, cờ hoa	bộ	0,1136
1.29	Pano, băng rôn	m ²	1,1364
1.30	Khung sắt pano, băng rôn	bộ	0,0013
2	Nhân công		
2.1	Đội trưởng bậc bình quân 4,481	công	1,0
2.2	Kỹ thuật bậc bình quân 3,04	công	1,0

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Hao phí
2.3	Lái xe bậc bình quân 2,91	công	1,0
3	Máy - thiết bị		
3.1	Xe bán tải 5 tấn	ca	0,25
3.2	Máy vi tính xách tay	ca	0,5625
3.3	Máy chiếu full HD	ca	0,5625
3.4	Máy lưu, giải mã tín hiệu	ca	0,375
3.5	Máy phát điện dự phòng	ca	0,1125

Điều 7: Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH